

**TÒA ÁN ND KHU VỰC 7
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07 /8 /2025
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm

Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST – HNGĐ ngày 18/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T – sinh ngày 26/4/1981

Số CCCD: 038081xxxxxx

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T.

Nay là: Thôn T, xã T, tỉnh T.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị X - sinh ngày 11/01/1983

Số CCCD: 038183xxxxxx

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện V, tỉnh T.

Nay là: Thôn C, xã T, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh T (nay là: xã T, tỉnh T) vào ngày 11/01/2021. Sau khi kết hôn chị X vẫn ở thôn C, anh T qua lại sinh sống ở cả hai nơi thôn T và thôn C. Thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Từ tháng 3/2024 đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân, hai người không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị X.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Nguyễn Huyền T1 - sinh ngày 12/01/2024 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân chị X đã bỏ con lại cho anh T nuôi, nên ngày 06/3/2024 anh T đã mang con về nhà nội ở thôn T để ở và anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Từ ngày 06/3/2024 đến nay chị X không thăm nom, chăm sóc, hỏi han con. Tuy con còn rất nhỏ chưa được 02 tháng tuổi nhưng chị X không có trách nhiệm gì với con, không nuôi con, chăm sóc con. Nên khi ly hôn anh T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Anh T không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh làm nghề lái xe, công việc và thu nhập ổn định nên anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của chị Phạm Thị X.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/5/2025, UBND xã T, huyện V, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh T) nơi anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1981; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T (nay là thôn T, xã T, tỉnh T) và chị Phạm Thị X – sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: thôn C, xã L, huyện V, tỉnh T (nay là thôn C, xã T, tỉnh T) có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V (nay là xã T), tỉnh T vào ngày 11/01/2021. Sau khi kết hôn chị X không theo chồng về thôn T, xã T để ở, anh T vẫn sinh sống tại thôn T, xã T, còn chị X vẫn sinh sống tại thôn C, xã L. Vì vậy, chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị X là gì, chỉ biết anh T đã mang con là Nguyễn Huyền T1 mới được mấy tháng tuổi về nhà nuôi. Chính quyền địa phương cũng chỉ nghe hàng xóm nhà anh T nói chị X đi làm ăn xa, không nuôi con nên anh T đã mang con về nhà nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị X có 01 con chung tên là: Nguyễn Huyền T1 – sinh ngày 12/01/2024 (giới tính: Nữ). Từ khi cháu sinh ra cho đến tháng 3/2024, cháu T1 sinh sống với mẹ tại thôn C, xã L, huyện V, tỉnh T. Đầu tháng 3/2024, chị X đi làm ăn xa không nuôi con nên anh T đã làm thủ tục chuyển nơi đăng ký thường trú cho cháu T1 và đưa cháu về thôn T, xã T để chăm sóc, nuôi dưỡng. Về điều kiện kinh tế: Anh Nguyễn Văn T hiện nay đang sinh sống tại thôn T, xã T, làm nghề lái xe, công việc và thu nhập ổn định. Bên cạnh đó anh T đang sinh sống cùng với bố, mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn O, bà Trịnh Thị T; ông O, bà T còn khoẻ mạnh nên đã giúp đỡ anh T rất nhiều trong việc trông nom, chăm sóc con những lúc anh T đi làm. Chị Phạm Thị X không có hộ khẩu thường trú tại xã T nên chính quyền địa phương cũng không nắm được hiện nay chị X làm gì, thu nhập như thế nào. Anh T, chị X không có nhà đất tại xã T. Quá trình anh T sinh sống tại thôn T, anh T và con ở cùng với bố, mẹ đẻ anh T là ông O, bà T tại nhà của ông bà. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã T, anh T có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án anh T cung cấp 01 Đơn xin xác nhận, có xác nhận của thôn C, xã L là từ ngày 12/01/2024 đến ngày 05/3/2024 cháu Nguyễn Huyền T1 được mẹ đẻ là chị Phạm Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng tại thôn C, xã L. Từ ngày 06/3/2024, chị X đi khỏi địa phương không chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, anh T đã đến đón cháu T1 về chăm sóc, nuôi dưỡng và chuyển nơi đăng ký thường trú cho con về thôn T.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh T được ly hôn chị Phạm Thị X.

Giao con chung là Nguyễn Huyền T1 – sinh ngày 12/01/2024 (giới tính: Nữ) cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Phạm Thị X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T vì anh T không yêu cầu.

-Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Phạm Thị X có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện V (nay là xã T), tỉnh T. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật TTHC, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Chị Phạm Thị X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ chị X cố tình trốn tránh. Chị X không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy,

Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị X là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh T) vào ngày 11/01/2021. Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị X là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ đầu năm 2024 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh Nguyễn Văn T xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị X không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn chị X. Quá trình giải quyết vụ án chị X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện chị X không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị X đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Phạm Thị X là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị X có 01 con chung tên là Nguyễn Huyền T1 - sinh ngày 12/01/2024 (giới tính: Nữ). Hiện nay cháu T1 phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T1 ở cùng với bố là anh T. Khi ly hôn anh T có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Chị X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T, vì anh T không yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của chị X. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Biên bản xác minh tại UBND xã T (nay là xã T), xác nhận của UBND xã L (nay là xã T) cùng với tài liệu nguyên đơn cung cấp cho thấy: cháu Nguyễn Huyền T1 sinh ngày 12/01/2024, nhưng đến ngày 06/3/2024 chị X đã bỏ đi làm ăn xa, để con lại cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay mà không quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như thực hiện trách nhiệm của người mẹ. Mặc dù, khoản 3 Điều 81 của Luật HNGĐ năm 2014 quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*” nhưng chị X đã bỏ con đi khi con chưa được 02 tháng tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng không thu thập được nguyện vọng nuôi con của chị X. Bên cạnh đó, anh T có công việc và thu nhập ổn định, hiện đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn O, bà Trịnh Thị

T; ông O, bà T còn khỏe mạnh nên giúp đỡ anh T rất nhiều trong việc trông nom, chăm sóc con những lúc anh T đi làm, cuộc sống của cháu T1 đang ổn định, cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, giao cháu Nguyễn Huyền T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với Án lệ số 54/2022/AL ngày 14/10/2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu.

Chị Phạm Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở và chị X có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật TTHC, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Án lệ số 54/2022/AL ngày 14/10/2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Phạm Thị X.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Huyền T1 – sinh ngày 12/01/2024 (giới tính: Nữ) cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Chị Phạm Thị X không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

2.3. Chị Phạm Thị X có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở chị thực hiện quyền này và chị X có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006247 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7 -Thanh Hóa). Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Phạm Thị X không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Phạm Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang